

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**KHOA LUẬT**

**PHẠM HOÀNG DIỆU LINH**

**CĂN CỨ TIẾN HÀNH THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM TRONG TỔ  
TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA VIỆN  
KIỂM SÁT TRONG THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM VỤ VIỆC DÂN SỰ**

*Chuyên ngành* : Luật dân sự

*Mã số* : 60 38 30

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI – 2009**

**Công trình đã hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Ngọc Khánh**

**Phản biện 1:**

**Phản biện 2:**

**Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2009.

**Cố chấp viên hiệu luận văn  
tại Trung tâm tài liệu - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội Trung tâm tài liệu - Khoa Luật  
Đại học Quốc gia Hà Nội**

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

*Trang phụ bì*

*Mục lục*

*Danh mục các chữ viết tắt*

*Danh mục các bảng*

**MỞ ĐẦU**

1

**Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CĂN CỨ TIẾN HÀNH THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM DÂN SỰ**

8

1.1.	Khái quát về thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự	8
1.2.	Một số vấn đề chung về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự	17
1.2.1.	Khái niệm căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự	17
1.2.2.	Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm theo pháp luật tố tụng dân sự của một số quốc gia trên thế giới	21
1.2.2.1.	Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm theo pháp luật tố tụng dân sự của các nước theo truyền thống luật lục địa (luật dân sự)	21
1.2.2.2.	Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm theo pháp luật tố tụng dân sự của các nước theo truyền thống luật án lệ và Nhật Bản	26
1.3.	Một số vấn đề chung về vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự	34
1.3.1.	Cơ sở lý luận của việc xác định vị trí, vai trò Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự	34
1.3.2.	Vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát (Viện công tố) trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự theo pháp luật của một số quốc gia trên thế giới	40
1.3.2.1.	Vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát (Viện công tố) trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự theo pháp luật của một số quốc gia theo truyền thống luật lục địa	40
1.3.2.2.	Vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát (Viện công tố) trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự theo pháp luật của một số quốc gia theo truyền thống luật án lệ và Nhật Bản	47
	<b>Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CĂN CỨ TIẾN HÀNH THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM VÀ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM DÂN SỰ - MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN</b>	50
2.1.	Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm theo Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam	50
2.1.1.	Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm theo Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam năm 2004	50
2.1.2.	Vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm theo Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam năm 2004	58
2.1.2.1.	Thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm	59
2.1.2.2.	Thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc tham gia phiên tòa giám đốc thẩm	64
2.2.	Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm và thẩm quyền của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự	65
2.2.1.	Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm dân sự	65
2.2.2.	Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về thẩm quyền của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự	81
2.3.	Hoàn thiện các quy định về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm trong Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam	85
2.3.1.	Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự	85
2.3.1.1.	Hoàn thiện pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự phải phù hợp với những chủ trương, đường lối cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước ta về hoàn thiện chính sách pháp luật về thủ tục tố tụng tư pháp và đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân	85
2.3.1.2.	Hoàn thiện pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc đặc thù của tố tụng dân sự	87
2.3.1.3.	Hoàn thiện pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự trên cơ sở tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế	88
2.3.2.	Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự	89
2.3.2.1.	Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm vụ án dân sự	89
2.3.2.2.	Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục	95

giám đốc thẩm dân sự	
<b>KẾT LUẬN</b>	100
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	103

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo quy luật của sự tác động lẫn nhau giữa các yếu tố thuộc cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, pháp luật - một yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng - dù sớm hay muộn, về cơ bản cũng phải phù hợp với tính chất của nền kinh tế là cơ sở cho sự ra đời và tồn tại của nó, bởi sự lệch lạc thái quá tất yếu dẫn đến việc các yếu tố kìm hãm, hạn chế lẫn nhau. Những nỗ lực không ngừng nghỉ của chúng ta trong việc cải tổ hệ thống pháp luật diễn ra trong vài năm gần đây, không gì khác, chính là hệ quả tất yếu của sự phát triển năng động của các mối quan hệ mang đặc trưng của nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải được điều chỉnh. Đó cũng chính là một cách để Việt Nam thuyết phục thế giới rằng việc nền kinh tế mà mình đang theo đuổi có định hướng xã hội chủ nghĩa (XHHCN) không mâu thuẫn hay ngăn cản được một nền kinh tế thị trường với đầy đủ các mặt tốt, xấu của nó đang hiện hữu ngày một rõ ràng hơn ở Việt Nam mà biểu hiện nổi bật nhất của nó là đề cao quyền tự do của công dân trong lĩnh vực dân sự, kinh tế, coi trọng hội nhập, hợp tác trên phạm vi toàn cầu ở mọi lĩnh vực. Do đó, xây dựng và hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự phải tính đến các khía cạnh của quyền tự do tham gia tố tụng của công dân và có sự thống nhất định với pháp luật, thông lệ quốc tế.

Pháp luật tố tụng dân sự các nước trên thế giới đều được xây dựng dựa trên các nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của công dân, công dân có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong tố tụng dân sự, bảo đảm quyền bảo vệ của công dân... Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) Việt Nam năm 2004 cũng đã ghi nhận những nguyên tắc này nhưng lại chưa thực sự coi nó là những nguyên tắc mang tính định hướng, chi phối toàn bộ hoạt động của các chủ thể tiến hành cũng như tham gia tố tụng, trong một số chế định, một số quy phạm của Bộ luật, công dân ta còn nhận thấy sự vi phạm các nguyên tắc nêu trên và chế định thủ tục giám đốc thẩm cũng không tránh khỏi hạn chế này.

Các quy định về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát (VKS) trong thủ tục này đã được hoàn thiện một bước trong BLTTDS, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc tiến hành các hoạt động tố tụng giám đốc thẩm. Tuy nhiên, các quy định còn thiếu cụ thể, rõ ràng và chưa đầy đủ. Nhiều quy định mâu thuẫn với các nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự như không thừa nhận quyền kháng cáo của công dân là căn cứ để mở thủ tục giám đốc thẩm, cho phép kháng nghị không phụ thuộc vào việc có yêu cầu của công dân hay không, phạm vi yêu cầu... Đối với quy định về vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm cũng còn tồn tại những bất hợp lý về thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, phạm vi kháng nghị giám đốc thẩm, thủ tục tham gia phiên tòa giám đốc thẩm của VKS...

Trên phương diện áp dụng pháp luật, những bất cập trong quy định của pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm đã tạo ra sức ép lớn đối với các cơ quan Tòa án và VKS trong việc giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm; bản án, quyết định giám đốc thẩm không có giá trị khuôn mẫu, hướng dẫn hoạt động xét xử; việc kháng nghị còn dựa trên căn cứ mang tính chủ quan; vi phạm tính thống nhất của hoạt động xét xử... Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm thường gặp phải những trở ngại do Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không có quyền thay đổi, bổ sung, rút quyết định kháng nghị tại phiên tòa nên phải hoãn phiên tòa để xin ý kiến công dân đã kháng nghị giám đốc thẩm; Kiểm sát viên phải phát biểu ý kiến về quyết định kháng nghị trong trường hợp VKS kháng nghị gây ra lãng phí thời gian..., và những khó khăn, tồn tại khác nữa.

Ngày 02 tháng 6 năm 2005, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trong đó nêu rõ: "Từng bước hoàn thiện thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng quy định chặt chẽ những căn cứ kháng nghị và quy định rõ trách nhiệm của công dân ra kháng nghị đối với bản án hoặc quyết định của tòa án đã có hiệu lực; khắc phục tình trạng kháng nghị tràn lan, thiếu căn cứ". Trong hoạt động tố tụng tư pháp, cần: "Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp... theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình".

Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài "*Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự Việt Nam và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm vụ việc dân sự*" nhằm hoàn thiện pháp luật về các vấn đề này có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự là những vấn đề pháp lý t-ong đối hẹp nên trong khoa học luật tố tụng dân sự từ tr-ớc đến nay ch- a có một công trình nghiên cứu khoa học riêng biệt và chuyên sâu về những vấn đề này.

Vấn đề căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự cũng đ-ợc đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu chuyên khảo về luật tố tụng dân sự gần đây. Đó là: Đề tài khoa học cấp bộ: "*Thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự Việt Nam*" của Viện Khoa học kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC), 2003; Sách chuyên khảo: "*Tiến tới xây dựng Bộ luật Tố tụng dân sự của thời kỳ đổi mới*", của TS. Phan Hữu Th- , Nxb T- pháp, Hà Nội, 2004; Đề tài khoa học cấp bộ: "*Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm*", của Viện Khoa học kiểm sát, VKSNDTC, 2006; Sách chuyên khảo: "*Bình luận khoa học một số vấn đề của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn áp dụng*", của TS. Lê Thu Hà, Nxb T- pháp, Hà Nội, 2006; Sách chuyên khảo "*Vị trí, vai trò Viện kiểm sát trong tố tụng dân sự theo yêu cầu cải cách t□pháp*", do TS. Khuất Văn Nga chủ biên, Nxb T- pháp, Hà Nội, 2008... Tuy nhiên, bởi các công trình đều có phạm vi nghiên cứu rộng nên các vấn đề trên ch- a đ-ợc nghiên cứu một cách đầy đủ và toàn diện.

Trên một số tạp chí khoa học pháp lý chuyên ngành nh- Tạp chí Kiểm sát, Tạp chí Tòa án nhân dân, Tạp chí Luật học, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Tạp chí Nhà n-ớc và pháp luật... cũng có những bài viết đề cập đến một số khía cạnh của các vấn đề nêu trên nh-: "*Thủ tục giám đốc thẩm trong Bộ luật Tố tụng dân sự*", của TS. Khuất Văn Nga, Tạp chí Kiểm sát, số 12-2003; "*Trách nhiệm kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án kinh tế, dân sự*", của Đào Xuân Tiến, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 10-2004; "*Viện kiểm sát nhân dân đã và đang vũng b□ớc trên con đ□ng cải cách t□pháp*", của TS. Khuất Văn Nga, Tạp chí Kiểm sát, số 13-2005; "*Cần một cách nhìn mới về thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự*", của TS. Nguyễn Ngọc Khánh, Tạp chí Kiểm sát, số 20-2007; "*Vị trí, vai trò của Viện kiểm sát trong tố tụng dân sự theo yêu cầu cải cách t□pháp*", của TS. Nguyễn Ngọc Khánh, Tạp chí Kiểm sát, số 14+16-2008...

Với vấn đề nghiên cứu đặt ra có phạm vi t-ong đối hẹp là căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự, ng-ời viết mong muốn luận văn này trở thành một tài liệu tham khảo t-ong đối đầy đủ và toàn diện, giải quyết đ-ợc triệt để và thấu đáo các vấn đề này.

## **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **\* Mục đích**

Việc nghiên cứu đề tài nhằm làm rõ một số vấn đề lý luận về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự; góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về những vấn đề này.

### **\* Nhiệm vụ**

- Phân tích một số vấn đề lý luận cơ bản về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự.

- Nghiên cứu quy định của pháp luật một số n-ớc theo các truyền thống pháp luật lục địa và án lệ về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện công tố trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự; chỉ ra đ-ợc những vấn đề có thể tham khảo trong quá trình hoàn thiện pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục này ở Việt Nam.

- Đánh giá quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự.

- Đ- a ra một số kiến nghị nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự tr- ớc yêu cầu cải cách t- pháp ở Việt Nam hiện nay.

#### **4. Phạm vi nghiên cứu**

- Luận văn không nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của lý luận và pháp luật thực định về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục này.

- Luận văn chỉ nghiên cứu các căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện công tố (Viện kiểm sát) trong thủ tục này theo BLTTDS năm 2004 và ở một số quốc gia mà ng- ời viết cho là điển hình và có t- liệu thuộc hai truyền thống pháp luật chính trên thế giới là luật lục địa (Pháp, Nga, Trung Quốc), luật án lệ (Anh, Mỹ, □c) và Nhật Bản.

#### **5. Ph- ong pháp luận và ph- ong pháp nghiên cứu**

Đề tài đ- ọc nghiên cứu dựa trên cơ sở ph- ong pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin về nhà n- ớc và pháp luật, về mối quan hệ giữa pháp luật và điều kiện kinh tế, xã hội, về tổ chức và thực hiện quyền lực nhà n- ớc.

Các ph- ong pháp nghiên cứu cụ thể đ- ọc sử dụng trong luận văn là ph- ong pháp hệ thống, ph- ong pháp phân tích - tổng hợp, ph- ong pháp lịch sử - cụ thể, ph- ong pháp luật học so sánh...

#### **6. Điểm mới của luận văn**

- Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu riêng biệt và chuyên sâu về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự.

- Luận văn chỉ ra đ- ọc sự khác biệt trong quy định của pháp luật các n- ớc trên thế giới thuộc các truyền thống pháp luật lục địa và án lệ về vấn đề nghiên cứu; những yếu tố tiến bộ và phù hợp mà Việt Nam có thể tham khảo trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật của mình về vấn đề này.

- Luận văn lý giải đ- ọc cơ sở khoa học của việc quy định căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm và vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng dân sự hiện hành; làm rõ một số khái niệm: căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm, căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm...

- Luận văn đ- a ra đ- ọc những kiến nghị trực tiếp, cụ thể đối với những vấn đề nghiên cứu.

#### **7. Ý nghĩa của luận văn**

Luận văn có thể đ- ọc sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu hoàn thiện các quy định của pháp luật về thủ tục giám đốc thẩm và về vị trí, vai trò của VKS trong tố tụng dân sự.

Luận văn cũng có thể đ- ọc sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và học tập các môn Luật tố tụng dân sự, Cơ chế xét xử vụ án dân sự và các môn học về luật tổ chức hệ thống t- pháp... tại các cơ sở đào tạo luật.

#### **8. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 2 ch- ong:

**Ch□ong 1:** Một số vấn đề chung về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự.

**Ch□ong 2:** Thực trạng pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự - Một số kiến nghị hoàn thiện.

#### **Ch□ong 1**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CĂN CỨ TIẾN HÀNH THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ VÀ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG**

## THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM DÂN SỰ

### 1.1. Khái quát về thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự

Trên thế giới, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại Tòa án có thể đ- ợc thực hiện theo các mô hình:

□ những n- ớc thực hiện chế độ hai cấp xét xử (các n- ớc theo truyền thống luật dân sự và truyền thống xã hội chủ nghĩa), chỉ sau khi xét xử phúc thẩm, bản án, quyết định của Tòa án mới có hiệu lực pháp luật ngay. Nếu bản án, quyết định này có sai lầm thì có thể kháng cáo, kháng nghị để xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc phá án.

□ các n- ớc theo truyền thống thông luật, không áp dụng chế độ hai cấp xét xử, sau khi Tòa án ra phán quyết, đ- ợng sự có quyền kháng cáo theo các thủ tục khác nhau tùy thuộc vào căn cứ kháng cáo.

□ Nhật Bản, không có khái niệm "bản án có hiệu lực pháp luật". Sau khi xét xử sơ thẩm, phán quyết có thể bị kháng cáo phúc thẩm Koso hoặc phúc thẩm Jokoku, Kokoku hoặc tái thẩm theo từng căn cứ, điều kiện riêng, trong đó phúc thẩm Jokoku có tính chất gần giống với tính chất của thủ tục giám đốc thẩm.

Nh- vậy, thủ tục giám đốc thẩm với tính chất là thủ tục Tòa án có thẩm quyền xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án bị kháng cáo, kháng nghị theo những căn cứ do pháp luật quy định thì chỉ có trong pháp luật các n- ớc theo truyền thống luật Châu Âu lục địa và truyền thống luật xã hội chủ nghĩa, không có trong pháp luật các n- ớc theo truyền thống thông luật và một số n- ớc khác nh- Nhật Bản...

□ Việt Nam, các quy định về xét lại bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật đ- ợc quy định từ Thông t- số 321/VHH-CT của Bộ T- pháp ngày 12 tháng 02 năm 1958, tuy nhiên, đây chỉ là việc *xử lại vụ án* bị kháng nghị bởi Tòa án có thẩm quyền. Khi Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989 đ- ợc ban hành, giám đốc thẩm đ- ợc hiểu là việc Tòa án cấp giám đốc thẩm *xét xử lại vụ án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị*. Đến BLTTDS năm 2004, quan niệm về bản chất của giám đốc thẩm đã có sự thay đổi, giám đốc thẩm đ- ợc hiểu là việc "*xét lại bản án, quyết định*" có hiệu lực pháp luật.

Thủ tục giám đốc thẩm theo quy định của BLTTDS Việt Nam hiện hành có những đặc điểm chính sau đây:

*Đặc điểm thứ nhất*, chế định giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự đã khắc họa rõ nét hơn tính chất của một thủ tục "đặc biệt".

*Đặc điểm thứ hai*, thủ tục giám đốc thẩm theo quy định của BLTTDS đ- ợc đổi mới một cách nửa vời, thiếu triệt để.

*Đặc điểm thứ ba*, quy định về thủ tục giám đốc thẩm trong BLTTDS còn thiếu tính cụ thể.

### 1.2. Một số vấn đề chung về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự

#### 1.2.1. Khái niệm căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự

Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm là *kháng cáo hoặc kháng nghị* của ng- ời có thẩm quyền do pháp luật quy định. □ các n- ớc, chỉ *kháng cáo, kháng nghị có căn cứ theo luật định đ- ợc Tòa án chấp nhận* mới là cơ sở trực tiếp dẫn đến việc mở thủ tục giám đốc thẩm và có thủ tục riêng, chặt chẽ để xem xét tính có căn cứ của kháng cáo, kháng nghị tr- ớc khi quyết định mở phiên tòa giám đốc thẩm. □ Việt Nam, mọi kháng nghị giám đốc thẩm đều dẫn đến việc mở thủ tục này bởi trách nhiệm kháng nghị giám đốc thẩm chỉ đ- ợc giao cho một số ng- ời có thẩm quyền xét xử và kiểm sát với niềm tin rằng sự thận trọng, chính xác và vô t- của những ng- ời có thẩm quyền không có lợi ích liên quan tới vụ án không chỉ có ý nghĩa khôi phục lại nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng dân sự bị xâm phạm, mà còn bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

Mọi kháng cáo, kháng nghị đều phải dựa trên những căn cứ nhất định, do pháp luật quy định. Về hình thức thì kháng cáo, kháng nghị là cơ sở để mở thủ tục giám đốc thẩm nh- ng về bản chất thì chính căn cứ kháng cáo, kháng nghị mới thực sự là cơ sở để tiến hành thủ tục này.



### **1.2.2. Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm theo pháp luật tố tụng dân sự của một số quốc gia trên thế giới**

#### **1.2.2.1. Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm theo pháp luật tố tụng dân sự của các n-ớc theo truyền thống luật lục địa (luật dân sự)**

Nghiên cứu các quy định về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm dân sự của các n-ớc Pháp, Nga, Trung Quốc, có thể rút ra một số nhận xét chung:

- Pháp luật các n-ớc này ghi nhận cả kháng cáo giám đốc thẩm của đ-ơng sự và kháng nghị của Viện công tố (Viện kiểm sát) là cơ sở để xem xét mở thủ tục giám đốc thẩm. Tuy nhiên, thẩm quyền kháng nghị của Viện công tố (Viện kiểm sát) hẹp hơn so với quyền kháng cáo của đ-ơng sự.

- Kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm phải chỉ ra đ-ợc những căn cứ do luật định.

- Căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có thể đ-ợc quy định d-ới dạng căn cứ để Tòa án giám đốc thẩm hủy hoặc sửa bản án. Các căn cứ này th-ờng liên quan đến vấn đề áp dụng pháp luật, giải thích pháp luật, hầu nh- không xem xét đến việc đánh giá chứng cứ, tình tiết của vụ án.

#### **1.2.2.2. Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm theo pháp luật tố tụng dân sự của các n-ớc theo truyền thống luật án lệ và Nhật Bản**

Thủ tục xét lại bản án ở các n-ớc này không có sự phân định rạch ròi giữa phúc thẩm và giám đốc thẩm. Nghiên cứu quy định của pháp luật Anh, Hoa Kỳ, bang Victoria (Liên bang Australia) về vấn đề này, có thể rút ra một số nhận xét chung:

- Cơ chế xét xử theo án lệ kết hợp với nguyên tắc không xem xét lại bản án (trừ khi luật quy định rõ trong từng tr-ờng hợp, từng loại tội) đã hạn chế tối đa việc kháng cáo, kiến nghị xem xét lại.

- Không phân biệt kháng cáo của đ-ơng sự và kháng nghị của Viện công tố.

- Quyền đ-ợc xét xử lại không đ-ợc thừa nhận là quyền đ-ơng nhiên mà chỉ đ-ợc ghi nhận ở các văn bản pháp luật chính thức. Nếu pháp luật không quy định thì việc kháng cáo chỉ xảy ra khi đ-ợc phép của chính cấp tòa đó hoặc cấp tòa cao hơn dẫn đến hệ quả là có rất nhiều các hình thức xét lại một bản án, quyết định của Tòa án.

- Căn cứ kháng cáo phúc thẩm th-ờng chỉ đ-ợc chấp nhận nếu là các vấn đề về áp dụng pháp luật, giải thích pháp luật của các cấp tòa d-ới.

- Cơ chế tố tụng ở các n-ớc này đã tạo ra khả năng đề nghị kháng cáo rất thấp (sự đa dạng của các biện pháp hòa giải ngoài Tòa án, chi phí tố tụng tốn kém...).

### **1.3. Một số vấn đề chung về vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự**

#### **1.3.1. Cơ sở lý luận của việc xác định vị trí, vai trò Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự**

Việc xác định vị trí, vai trò VKS trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự ở Việt Nam nói riêng, các n-ớc XHCN nói chung cũng nh- vị trí, vai trò của Viện công tố (Viện kiểm sát) trong tố tụng dân sự các n-ớc theo truyền thống Common Law và Civil Law bị chi phối bởi các nguyên tắc: *nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc quyền tự định đoạt của đ-ơng sự, và nguyên tắc xét xử hai cấp.*

#### **1.3.2. Vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát (Viện công tố) trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự theo pháp luật của một số quốc gia trên thế giới**

##### **1.3.2.1. Vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát (Viện công tố) trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự theo pháp luật của một số quốc gia theo truyền thống luật lục địa**

- Cộng hòa Pháp: Viện tr-ởng Viện công tố bên cạnh Tòa Phá án có quyền kháng nghị phá án tr-ớc Tòa Phá án vì lợi ích của luật (Điều 618-1 BLTTDS Pháp).

- Liên bang Nga: Theo quy định mới của BLTTDS Liên bang Nga, Tổng kiểm sát tr-ởng, Phó Tổng kiểm sát tr-ởng Liên bang Nga, Kiểm sát tr-ởng các cấp và cấp phó của họ chỉ có quyền đ- a ra văn bản đề nghị giám đốc thẩm trong những tr-ởng hợp có Kiểm sát viên tham gia tố tụng tại phiên tòa. Quyền đề nghị giám đốc thẩm có "vị trí" pháp lý t-ơng đ-ơng với quyền kháng cáo giám đốc thẩm của đ-ơng sự.

- Trung Quốc: VKS thực hiện chức năng giám sát pháp luật trong tố tụng dân sự thông qua hoạt động kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

*1.3.2.2. Vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát (Viện công tố) trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự theo pháp luật của một số quốc gia theo truyền thống luật án lệ và Nhật Bản*

□ các n-ớc theo truyền thống luật án lệ (nh- Hoa Kỳ, Australia..) và Nhật Bản, Viện công tố không có vai trò, trách nhiệm đặc biệt nào trong tố tụng dân sự nói chung và trong thủ tục phúc thẩm nói riêng, trừ thẩm quyền kháng nghị trong một số tr-ởng hợp hãn hữu và tham gia phiên tòa với t- cách là ng-ời đã kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án nh- các đ-ơng sự khác.

## **Ch□ơng 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CĂN CỨ TIẾN HÀNH THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM VÀ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM DÂN SỰ - MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN**

**2.1. Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm theo Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam**

***2.1.1. Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm theo Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam năm 2004***

Pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam ch- a từng thừa nhận quyền kháng cáo giám đốc thẩm của đ-ơng sự. Chỉ có kháng nghị của những ng-ời có thẩm quyền theo quy định của pháp luật mới là căn cứ để tiến hành thủ tục giám đốc thẩm. Theo Điều 285 BLTTDS, thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm đ-ợc quy định nh- sau:

- Chánh án TAND tối cao, Viện tr-ởng VKSNDTC có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án các cấp, trừ quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TANDTC;

- Chánh án TAND cấp tỉnh, Viện tr-ởng VKSND cấp tỉnh có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp huyện.

Kháng nghị giám đốc thẩm có hình thức vật chất là một quyết định bằng văn bản của những ng-ời có thẩm quyền, bất kỳ văn bản kháng nghị giám đốc thẩm nào cũng phải thể hiện đ-ợc căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm.

Căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm bao gồm căn cứ thực tế và căn cứ pháp luật. *Căn cứ thực tế* là sự tồn tại thực của một bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà trong quá trình giải quyết vụ án để ra đ-ợc bản án, quyết định đó có vi phạm pháp luật nghiêm trọng. *Căn cứ pháp luật* là các vi phạm đ-ợc BLTTDS quy định làm cơ sở cho việc kháng nghị giám đốc thẩm và trực tiếp dẫn đến việc mở phiên tòa giám đốc thẩm, bao gồm: Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án; Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật (Điều 283 BLTTDS).

Những bất cập trong các quy định về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong BLTTDS Việt Nam:

*Một là*, việc BLTTDS không quy định quyền kháng cáo giám đốc thẩm của đ-ơng sự mà chỉ ghi nhận thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm của những ng-ời có thẩm quyền làm phát sinh những vấn đề sau:

- Vi phạm quyền tự định đoạt của đ-ơng sự;

- Nếu ng-ời có thẩm quyền không kháng nghị giám đốc thẩm, đ-ợng sự không có quyền và không có cơ chế đề nghị xem xét lại nên th-ờng gửi đơn nhiều lần, tạo sức ép trong việc giải quyết đơn cho cơ quan Tòa án, VKS;

- Quy định về thẩm quyền kháng nghị của những ng-ời đứng đầu cơ quan Tòa án khó bảo đảm tính khách quan.

*Hai là*, BLTTDS đồng thời quy định căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm và căn cứ hủy bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, trong nội dung các điều luật còn có sự ch- a nhất quán.

*Ba là*, căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm còn về cả vấn đề đánh giá chứng cứ.

*Bốn là*, quy định về căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm còn rộng, không rõ ràng.

### **2.1.2. Vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm theo Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam năm 2004**

#### *2.1.2.1. Thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm*

Điều 285 BLTTDS quy định: Viện tr-ởng VKSNDTC có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án các cấp, trừ quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Viện tr-ởng VKSND cấp tỉnh có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp huyện.

Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm phải đ-ợc ban hành trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật (Điều 288 BLTTDS), phải đáp ứng các yêu cầu về nội dung đ-ợc quy định tại Điều 287 BLTTDS.

Ng-ời có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án có quyền hoãn thi hành án để xem xét việc kháng nghị. Khi đã kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm thì có quyền tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đó cho đến khi có quyết định giám đốc thẩm (Điều 286 BLTTDS).

Một số nhận xét về các quy định của BLTTDS về thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm của VKS:

- VKS kháng nghị giám đốc thẩm với vị trí là cơ quan tố tụng kiểm sát hoạt động của Tòa án, vì vậy, thẩm quyền kháng nghị là khá rộng và khá tự do.

- Thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm chỉ thuộc về Viện tr-ởng VKSND tối cao và Viện tr-ởng VKSND cấp tỉnh. Khác với các n-ớc, Công tố viên sẽ là ng-ời thực hiện thẩm quyền này.

- Việc thay đổi, bổ sung, rút quyết định kháng nghị tại phiên tòa giám đốc thẩm không thể thực hiện đ-ợc bởi ng-ời đã kháng nghị th-ờng không tham gia phiên tòa.

#### *2.1.2.2. Thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc tham gia phiên tòa giám đốc thẩm*

VKS có trách nhiệm tham gia tất cả các phiên tòa giám đốc thẩm. Trong mọi tr-ờng hợp, Kiểm sát viên tham dự phiên tòa đều phải đ- ra kết luận về quyết định kháng nghị giám đốc thẩm (khoản 1, 2 Điều 295 BLTTDS) và phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án (khoản 3 Điều 295 BLTTDS).

Một số vấn đề cần xem xét:

*Một là*, ch- a phân biệt các tr-ờng hợp VKS tham gia phiên tòa khi có kháng nghị của Viện tr-ởng VKS hoặc kháng nghị của Chánh án Tòa án để xây dựng các quy định về thủ tục phiên tòa cho phù hợp.

*Hai là*, các quy định về việc thay đổi, bổ sung, rút quyết định kháng nghị giám đốc thẩm tại phiên tòa ch- a đ-ợc quy định cụ thể (điều kiện, thẩm quyền, thủ tục, hậu quả pháp lý...).

### **2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm và thẩm quyền của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự**

### **2.2.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm dân sự**

Thực trạng công tác kháng nghị giám đốc thẩm còn tồn tại những vấn đề sau:

*Thứ nhất*, đơn đề nghị giám đốc thẩm tới TANDTC và VKSNDTC ngày một gia tăng, trong khi đó số cán bộ Kiểm sát và Tòa án cho hoạt động giải quyết đơn khiếu nại, đề nghị giám đốc thẩm không thể bỏ sung cho phù hợp đã tạo ra tình trạng quá tải ch- a có biện pháp giải quyết triệt để và thỏa đáng.

*Thứ hai*, căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm còn đ- ợc vận dụng một cách tùy nghi nên hoạt động kháng nghị trên thực tế lại bị đánh giá là "tràn lan, thiếu căn cứ". Nhiều bản kháng nghị ch- a có ý nghĩa là khuôn mẫu, h- ớng dẫn cho hoạt động giải quyết án dân sự, hoặc ch- a giải quyết đ- ợc một tình trạng áp dụng pháp luật. Thực tiễn áp dụng quy định của BLTTDS về từng căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm cho thấy mỗi căn cứ đ- ợc quy định trong BLTTDS thực chất là một dạng vi phạm pháp luật đ- ợc khái quát từ rất nhiều các hình thức vi phạm cụ thể.

### **2.2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về thẩm quyền của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự**

Bên cạnh những thành tích đã đạt đ- ợc, thực tiễn thực hiện thẩm quyền của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự còn gặp phải một số khó khăn:

*Thứ nhất*, do khối l- ợng công việc quá lớn, Viện tr- ởng VKS phải th- ờng xuyên ủy quyền cho cấp phó thực hiện quyền kháng nghị giám đốc thẩm.

*Thứ hai*, khi tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên phải trình bày một số nội dung lặp lại nội dung của kháng nghị khiến phiên tòa bị kéo dài không cần thiết. Hơn nữa, khi cần thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng nghị thì Kiểm sát viên phải đề nghị hoãn phiên tòa để báo cáo Viện tr- ởng xem xét, quyết định đã gây ra những trở ngại cho việc tổ chức phiên tòa giám đốc thẩm.

## **2.3. Hoàn thiện các quy định về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm trong Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam**

### **2.3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự**

*2.3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự phải phù hợp với những chủ tr- ờng, đ- ờng lối cải cách t- ư pháp của Đảng và Nhà n- ớc ta về hoàn thiện chính sách pháp luật về thủ tục tố tụng t- ư pháp và đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân*

*2.3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc đặc thù của tố tụng dân sự*

*2.3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự trên cơ sở tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm n- ớc ngoài, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế*

### **2.3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự và vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự**

*2.3.2.1. Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm vụ án dân sự*

*Một là*, BLTTDS cần phải công nhận quyền kháng cáo giám đốc thẩm của đ- ồng sự và những ng- ời có quyền và lợi ích liên quan, đồng thời, xây dựng thủ tục kháng cáo giám đốc thẩm để bảo đảm cơ chế thực hiện quyền (chủ thể có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, nội dung đơn kháng cáo và thủ tục nộp đơn...).

*Hai là*, BLTTDS cần xây dựng một thủ tục tố tụng để kiểm tra, xem xét kháng cáo giám đốc thẩm.

*Ba là*, BLTTDS cần bỏ thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án; quy định rõ phạm vi kháng nghị của Viện tr-ởng VKS chỉ trong những vấn đề liên quan đến lợi ích công và trật tự công cộng hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật tố tụng.

*Bốn là*, BLTTDS cần sửa căn cứ "Kết luận trong bản án hoặc quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án" thành: "*Kết luận trong bản án, quyết định của Tòa án không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án đã đ-ợc Tòa án sơ thẩm, phúc thẩm xác định*".

*Năm là*, BLTTDS cần bỏ căn cứ hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật "*Việc thu thập chứng cứ và chứng minh ch-ả thực hiện đầy đủ hoặc không theo đúng quy định tại Ch-ương VII của Bộ luật này*" quy định tại Khoản 1 Điều 299 bảo đảm nhất quán với nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự.

*Sáu là*, BLTTDS cần cụ thể hóa những căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm trên cơ sở luật hóa một số căn cứ đ- ọc viện dẫn trong thực tiễn giám đốc thẩm vụ án dân sự:

*Căn cứ thứ nhất: Kết luận trong bản án, quyết định của Tòa án không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án* gồm một số tr- ờng hợp sau:

- Kết luận trong bản án hoặc quyết định không dựa trên cơ sở những chứng cứ tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa dẫn đến việc kết luận trái với nội dung chứng cứ;

- Không xem xét những tình tiết có ý nghĩa quan trọng đối với kết luận của vụ án;

- Có những mâu thuẫn giữa các chứng cứ có ý nghĩa cơ bản đối với vụ án nh-ng trong bản án Tòa án không nêu lên đ- ọc những căn cứ để Tòa án chấp nhận chứng cứ này mà bác bỏ chứng cứ kia.

*Căn cứ thứ hai: Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng*, cụ thể là:

- Thủ lý, giải quyết vụ việc dân sự không đúng thẩm quyền;

- Thủ lý vụ việc khi ng- ời khởi kiện không có quyền khởi kiện;

- Ng- ời đại diện theo ủy quyền không đủ t- cách đại diện;

- Vi phạm các quy định về thu thập chứng cứ, xuất trình chứng cứ và đánh giá chứng cứ khi những chứng cứ này có ảnh h- ưởng đến việc ra bản án, quyết định bị kháng nghị;

- Nội dung tranh chấp đã đ- ọc giải quyết bằng một bản án khác;

- Thành phần Hội đồng xét xử không đúng với quy định của pháp luật;

- Các đ- ồng sự không đ- ọc triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng;

- Xét xử vắng mặt đ- ồng sự, trừ tr- ờng hợp pháp luật cho phép xét xử vắng mặt đ- ồng sự;

- Xác định sai t- cách tố tụng của những ng- ời tham gia tố tụng hoặc những ng- ời có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp đến vụ án không đ- ọc tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình;

- Vắng mặt đại diện VKS trong tr- ờng hợp VKS bắt buộc phải tham gia phiên tòa;

- Trong quá trình xét xử đã vi phạm quy định về ngôn ngữ dùng trong tố tụng dân sự;

- Không có biên bản phiên tòa hoặc có biên bản phiên tòa không có chữ ký của th- ký phiên tòa hoặc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa;

- Nội dung quyết định của bản án mâu thuẫn với biên bản nghị án hoặc mâu thuẫn với biên bản phiên tòa.

*Căn cứ thứ ba: Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật*, gồm các tr- ờng hợp sau:

- □p dụng điều luật không đúng với bản chất của quan hệ có tranh chấp;

- Giải thích sai nội dung điều luật áp dụng;
  - □p dụng quy định của pháp luật không đúng với thời điểm ký kết, thực hiện hợp đồng hoặc xảy ra sự kiện;
  - □p dụng không đúng quy định về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu kháng cáo, kháng nghị để ra bản án.
- Bảy là*, BLTTDS cần bổ sung một số căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm cho phù hợp với thực tiễn xét xử giám đốc thẩm trong thời gian qua và trên cơ sở tham khảo pháp luật các n- ớc:
- Việc thu thập chứng cứ của Tòa án theo yêu cầu của đ- ơng sự ch- a đ- ợc thực hiện đầy đủ;
  - Tòa án ch- a giải quyết hết các yêu cầu của đ- ơng sự;
  - Vi phạm nguyên tắc thống nhất, công bằng trong hoạt động xét xử;
  - Bản án, quyết định về hình sự, hành chính... làm căn cứ cho bản án, quyết định dân sự bị hủy bởi một bản án, quyết định khác có hiệu lực;
  - Thẩm phán, kiểm sát viên, th- ký phiên tòa... có hành vi tham ô, nhận hối lộ trong quá trình giải quyết vụ án dẫn đến làm sai lệch nội dung vụ án.

### 2.3.2.2. Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự

*Một là*, cần xác định rõ vị trí của VKS trong việc kháng nghị giám đốc thẩm dân sự theo h- ớng VKS kháng nghị giám đốc thẩm với t- cách là một bên đ- ơng sự trong tố tụng hoặc là ng- ời bảo vệ luật pháp và vì lợi ích của luật.

*Hai là*, sửa đổi quy định về thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm theo một trong các ph- ơng án sau: Thứ nhất, quy định giao cho VKS có quyền kháng nghị giám đốc thẩm nh- pháp luật các n- ớc; thứ hai, khôi phục lại cơ chế phân quyền kháng nghị giám đốc thẩm giữa cấp tr- ởng và cấp phó nh- tr- ớc đây; thứ ba, tiếp tục quy định thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm của Viện tr- ởng VKS, đồng thời, quy định cho phép ủy quyền thực hiện thẩm quyền này.

*Ba là*, quy định cho phép Kiểm sát viên tham dự phiên tòa giám đốc thẩm có quyền thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị tại phiên tòa và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; Bổ sung các quy định có liên quan nh- điều kiện, thủ tục, hậu quả pháp lý... của việc thay đổi, bổ sung, rút quyết định kháng nghị tại phiên tòa.

*Bốn là*, quy định rõ ràng, cụ thể thủ tục tham gia phiên tòa giám đốc thẩm của VKS trong các tr- ờng hợp: phiên tòa đ- ợc mở trên cơ sở kháng nghị của VKS; hoặc phiên tòa đ- ợc tiến hành trên cơ sở kháng cáo giám đốc thẩm của đ- ơng sự (hoặc kháng nghị giám đốc thẩm của Tòa án).

## KẾT LUẬN

1. Sau khi vụ án dân sự đ- ợc Tòa án xét xử lần đầu, pháp luật các n- ớc đều mở ra khả năng xem xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án đó theo những thủ tục nhất định. Giám đốc thẩm là một loại thủ tục tố tụng Tòa án đặc biệt, th- ờng đ- ợc quy định trong pháp luật các n- ớc áp dụng nguyên tắc hai cấp xét xử nh- các n- ớc theo truyền thống luật châu Âu lục địa, các n- ớc theo truyền thống luật xã hội chủ nghĩa. Đó là việc Tòa án có thẩm quyền (th- ờng là Tòa án tối cao, Tòa phá án...) xét lại bản án, quyết định của Tòa sơ thẩm hoặc phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị theo những căn cứ do pháp luật quy định, nhằm mục đích khắc phục những sai lầm hoặc vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Khái niệm giám đốc thẩm không có trong pháp luật các n- ớc theo truyền thống thông luật và một số n- ớc khác

nh- Nhật Bản, tuy nhiên, pháp luật các n- ớc này cũng có những quy định t- ong tự và đ- ợc gọi chung là thủ tục phúc thẩm.

□ Việt Nam, cho đến BLTTDS năm 2004, tức là sau gần nửa thế kỷ từ thời điểm xuất hiện các quy định đầu tiên về xét lại bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, chúng ta mới có đ- ợc một quan niệm t- ong đối đúng đắn, t- ong đồng với pháp luật các n- ớc về giám đốc thẩm. Tuy vậy, chế định thủ tục giám đốc thẩm trong BLTTDS Việt Nam hiện hành còn chứa đựng nhiều yếu tố mâu thuẫn, bất hợp lý và thiếu cụ thể.

2. Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự là kháng cáo giám đốc thẩm của đ- ơng sự và/ hoặc kháng nghị giám đốc thẩm của Viện công tố/ VKS. Tuy nhiên, chỉ kháng cáo, kháng nghị có căn cứ theo luật định mới dẫn đến việc mở thủ tục giám đốc thẩm. Các n- ớc th- ờng có cơ chế kiểm tra, xem xét việc kháng cáo giám đốc thẩm có căn cứ hay không tr- ớc khi tiến hành thủ tục giám đốc thẩm. BLTTDS Việt Nam không thừa nhận quyền kháng cáo giám đốc thẩm của đ- ơng sự và cho phép mở thủ tục giám đốc thẩm ngay sau khi có kháng nghị giám đốc thẩm của ng- ời có thẩm quyền.

3. Căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm bao gồm căn cứ thực tế và căn cứ pháp luật. Căn cứ thực tế về cơ bản là giống nhau giữa các n- ớc. Căn cứ pháp luật có sự khác biệt nhất định nh- ng tựu trung lại chỉ tập trung xem xét vấn đề áp dụng pháp luật, không xem xét việc đánh giá chứng cứ và đặc biệt là không xem xét chứng cứ mới. Chính vì vậy, dù pháp luật các n- ớc không quy định cụ thể, chi tiết từng căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm dân sự nh- ng họ có nguồn án lệ dồi dào từ chính các phán quyết của Tòa án giám đốc thẩm hoặc Tòa phá án lại đ- ợc bổ sung liên tục từ thực tiễn giám đốc thẩm, làm căn cứ cho việc kháng cáo, kháng nghị. Việt Nam là một n- ớc không công nhận án lệ nh- ng lại không quy định cụ thể các căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm, dẫn đến tình trạng "kháng nghị tràn lan, thiếu căn cứ".

4. Vai trò, trách nhiệm của Viện công tố/ VKS trong thủ tục giám đốc thẩm dân sự đ- ợc quy định khá thống nhất giữa các n- ớc. Đó là thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm và tham gia phiên tòa giám đốc thẩm. □ các n- ớc, Viện công tố/ Viện kiểm sát có thể kháng nghị và tham gia phiên tòa giám đốc thẩm với t- cách là một bên đ- ơng sự bảo vệ lợi ích của Nhà n- ớc hoặc trật tự công hoặc vì lợi ích của pháp luật. □ Việt Nam, VKS không có thẩm quyền khởi kiện hay đại diện cho Nhà n- ớc trong các vụ kiện mà Nhà n- ớc là một bên đ- ơng sự, VKS kháng nghị và tham gia phiên tòa giám đốc thẩm với t- cách là cơ quan tiến hành tố tụng, thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, có nhiệm vụ bảo đảm việc giải quyết vụ việc dân sự đúng pháp luật.

5. Mặc dù các quy định về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm, vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm trong BLTTDS đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kháng nghị và giải quyết kháng nghị giám đốc thẩm, khắc phục những sai lầm, vi phạm trong việc giải quyết vụ án của Tòa án. Tuy nhiên, các quy định này ch- a đ- ợc quy định cụ thể, rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với lý luận và thực tiễn, thậm chí có quy định còn mâu thuẫn... Để khắc phục đ- ợc những hạn chế này, việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm, vai trò, trách nhiệm của VKS trong thủ tục giám đốc thẩm phải đ- ợc tiến hành đồng bộ với việc hoàn thiện các quy định về thủ tục giám đốc thẩm và đổi mới vị trí, vai trò của VKS trong tố tụng dân sự nói chung, trên cơ sở chủ tr- ong, đ- ờng lối về cải cách t- pháp của Đảng, phù hợp với các nguyên tắc đặc thù của tố tụng dân sự và t- ong đồng với pháp luật các n- ớc trên thế giới.